

DANH MỤC THÔNG TIN THỐNG KÊ TỪ TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN NĂM 2001

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
I. TÌNH HÌNH CƠ BẢN CỦA HỘ		
1.1. Các chỉ tiêu chủ yếu của hộ điều tra	Tổng số hộ; tổng số nhân khẩu; số người bq 1 hộ; số người trong độ tuổi lao động; số người trong tuổi có khả năng lao động; đất nông, lâm nghiệp; diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản; máy móc thiết bị của hộ; ngành nghề của hộ	2001
1.2. Hộ, nhân khẩu phân theo địa phương	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.3. Hộ, nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo địa phương	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.4. Một số chỉ tiêu chủ yếu của hộ nông thôn chia theo dân tộc của chủ hộ	Loại hộ, cơ cấu loại hộ; nguồn thu nhập chính, cơ cấu nguồn thu nhập chính; nhân khẩu; số người trong độ tuổi lao động; đất nông, lâm nghiệp, thủy sản; dân tộc của chủ hộ	2001
1.5. Hộ nông thôn phân theo ngành nghề và địa phương	Ngành nghề; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.6. Cơ cấu hộ nông thôn phân theo ngành nghề và địa phương	Ngành nghề; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.7. Cơ cấu các loại hộ nông nghiệp ở khu vực nông thôn	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.8. Nguồn thu nhập chính của hộ nông thôn	Nguồn thu nhập chính; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.9. Cơ cấu nguồn thu nhập chính của hộ nông thôn	Nguồn thu nhập chính; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
1.10. Lao động nông thôn phân theo loại hộ	Số người trong độ tuổi (có và không có khả năng lao động); số người có khả năng LDBQ 1 hộ; số lao động chuyên làm thuê; loại hộ	2001
1.11. Lao động nông thôn phân theo địa phương	Số người trong độ tuổi (có và không có khả năng lao động); số người có khả năng LDBQ 1 hộ; số lao động chuyên làm thuê; vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.12. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động ở khu vực nông thôn phân theo trình độ chuyên môn	Trình độ chuyên môn; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.13. Cơ cấu số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động ở khu vực nông thôn phân theo trình độ chuyên môn	Trình độ chuyên môn; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.14. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động ở khu vực nông thôn phân theo hoạt động chính trong 12 tháng qua	Hoạt động chính trong 12 tháng qua; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.15. Cơ cấu số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động ở khu vực nông thôn phân theo hoạt động chính trong 12 tháng qua	Hoạt động chính trong 12 tháng qua; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.16. Hộ nông nghiệp phân theo quy mô đất nông nghiệp	Quy mô đất nông nghiệp; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.17. Cơ cấu hộ nông nghiệp phân theo quy mô đất nông nghiệp	Quy mô đất nông nghiệp; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.18. Hộ lâm nghiệp phân theo quy mô đất nông nghiệp	Quy mô đất lâm nghiệp; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.19. Cơ cấu hộ lâm nghiệp phân theo quy mô đất nông nghiệp	Quy mô đất lâm nghiệp; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.20. Hộ có nuôi trồng thủy sản phân theo quy mô diện tích nuôi trồng thủy sản	Quy mô diện tích nuôi trồng thủy sản; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
1.21. Cơ cấu hộ có nuôi trồng thủy sản phân theo quy mô diện tích nuôi trồng thủy sản	Quy mô diện tích nuôi trồng thủy sản; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.22. Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản phân theo loại nước	Loại nước; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.23. Cơ cấu diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản phân theo loại nước	Loại nước; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.24. Số hộ có nuôi trồng thủy sản phân theo loại nước	Loại nước; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.25. Cơ cấu hộ có nuôi trồng thủy sản phân theo loại nước	Loại nước; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.26. Số hộ nuôi cá phân theo loại nước	Loại nước; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.27. Hộ có nuôi cá phân theo quy mô diện tích nuôi cá	Quy mô diện tích nuôi cá; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.28. Cơ cấu hộ có nuôi cá phân theo quy mô diện tích nuôi cá	Quy mô diện tích nuôi cá; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.29. Số hộ nuôi tôm phân theo loại nước	Loại nước; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.30. Hộ có nuôi tôm phân theo quy mô diện tích nuôi tôm	Quy mô diện tích nuôi tôm; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.31. Cơ cấu hộ có nuôi tôm phân theo quy mô diện tích nuôi tôm	Quy mô diện tích nuôi tôm; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.32. Số hộ nuôi thủy sản lồng, bè	Cá; tôm; loại khác; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.33. Hộ trồng chè phân theo quy mô diện tích trồng chè	Quy mô diện tích trồng chè; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.34. Cơ cấu hộ trồng chè phân theo quy mô diện tích trồng chè	Quy mô diện tích trồng chè; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.35. Hộ trồng cà phê phân theo quy mô diện tích trồng cà phê ở các tỉnh trọng điểm	Quy mô diện tích trồng cà phê ở các tỉnh trọng điểm; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
1.36. Cơ cấu hộ trồng cà phê phân theo quy mô diện tích trồng cà phê ở các tỉnh trọng điểm	Quy mô diện tích trồng cà phê ở các tỉnh trọng điểm; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.37. Hộ trồng cao su phân theo quy mô diện tích trồng cao su ở các tỉnh trọng điểm	Quy mô diện tích trồng cao su ở các tỉnh trọng điểm; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.38. Cơ cấu hộ trồng cao su phân theo quy mô diện tích trồng cao su ở các tỉnh trọng điểm	Quy mô diện tích trồng cao su ở các tỉnh trọng điểm; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.39. Hộ trồng điều phân theo quy mô diện tích trồng điều ở các tỉnh trọng điểm	Quy mô diện tích trồng điều ở các tỉnh trọng điểm; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.40. Cơ cấu hộ trồng điều phân theo quy mô diện tích trồng điều ở các tỉnh trọng điểm	Quy mô diện tích trồng điều ở các tỉnh trọng điểm; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.41. Hộ trồng tiêu phân theo quy mô diện tích trồng tiêu ở các tỉnh trọng điểm	Quy mô diện tích trồng tiêu ở các tỉnh trọng điểm; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.42. Hộ trồng dừa phân theo quy mô diện tích trồng dừa ở các tỉnh trọng điểm	Quy mô diện tích trồng dừa ở các tỉnh trọng điểm; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.43. Hộ nuôi trâu phân theo quy mô chăn nuôi trâu	Quy mô chăn nuôi trâu; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.44. Hộ nuôi bò phân theo quy mô chăn nuôi bò	Quy mô chăn nuôi bò; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.45. Cơ cấu hộ nuôi bò phân theo quy mô chăn nuôi bò	Quy mô chăn nuôi bò; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.46. Hộ nuôi bò sữa phân theo quy mô chăn nuôi bò sữa	Quy mô chăn nuôi bò sữa; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.47. Cơ cấu hộ nuôi bò sữa phân theo quy mô chăn nuôi bò sữa	Quy mô chăn nuôi bò sữa; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.48. Hộ nuôi lợn phân theo quy mô chăn nuôi lợn	Quy mô chăn nuôi lợn; Vùng	2001

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	kinh tế; Tỉnh/ thành phố	
1.49. Cơ cấu hộ nuôi lợn phân theo quy mô chăn nuôi lợn	Quy mô chăn nuôi lợn; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.50. Số lượng tàu , thuyền, của hộ phân theo địa phương	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.51. Số lượng các loại máy động lực của hộ phân theo địa phương	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.52. Số lượng các loại máy móc, thiết bị của hộ phân theo địa phương	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
1.53. Các loại máy chủ yếu bình quân cho 100 hộ	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
II. TÌNH HÌNH CƠ BẢN VÀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TRANG TRẠI		
2.1. Tình hình cơ bản của từng loại trang trại	Số lượng; chủ trang trại phân theo giới tính, thành phần, TĐCM; năm thành lập; số nhân khẩu của hộ chủ trang trại; tổng số lao động; TĐCM của lao động; loại hình sản xuất của trang trại; vùng kinh tế	2001
2.2. Diện tích đất và mặt nước của từng loại hình trang trại	Loại hình sản xuất của trang trại; vùng kinh tế	2001
2.3. Diện tích 1 số cây lâu năm của từng loại hình trang trại	Loại hình sản xuất của trang trại; vùng kinh tế	2001
2.4. Máy móc, thiết bị chủ yếu của từng loại hình trang trại	Loại hình sản xuất của trang trại; vùng kinh tế	2001
2.5. Chăn nuôi, vốn, sản xuất kinh doanh và kết quả sản xuất kinh doanh của từng loại hình trang trại	Loại hình sản xuất của trang trại; vùng kinh tế	2001
2.6. Một số kết quả phỏng vấn chủ của từng loại hình trang trại	Loại hình sản xuất của trang trại; vùng kinh tế	2001
2.7. Một số chỉ tiêu tổng hợp của các loại hình trang trại	Loại hình sản xuất của trang trại; vùng kinh tế	2001
2.8. Một số chỉ tiêu bình quân 1 trang trại trồng trọt	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.9. Một số chỉ tiêu bình quân 1 trang trại chăn nuôi	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
2.10. Một số chỉ tiêu bình quân 1 trang trại lâm nghiệp	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.11. Một số chỉ tiêu bình quân 1 trang trại nuôi trồng thủy sản	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.12. Số lượng trang trại phân theo giới tính và thành phần của chủ trang trại	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố; giới tính và thành phần của chủ trang trại	2001
2.13. Chủ trang trại phân theo trình độ chuyên môn	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố; trình độ chuyên môn	2001
2.14. Số lượng trang trại phân theo năm thành lập trang trại	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố; năm thành lập trang trại	1995 trở về trước; 1996- 1999; 2000-2001
2.15. Số lượng trang trại phân theo loại hình sản xuất	Loại hình sản xuất; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.16. Cơ cấu số lượng trang trại phân theo loại hình sản xuất	Loại hình sản xuất; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.17. Lao động của trang trại	Loại lao động; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.18. Số lượng trang trại phân theo quy mô lao động	Quy mô lao động; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.19. Cơ cấu trang trại phân theo quy mô lao động	Quy mô lao động; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.20. Số lượng trang trại phân theo quy mô lao động thuê mướn	Quy mô lao động thuê mướn; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.21. Cơ cấu số lượng trang trại phân theo quy mô lao động thuê mướn	Quy mô lao động thuê mướn; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.22. Lao động trang trại phân theo trình độ chuyên môn	Trình độ chuyên môn; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.23. Số lượng trang trại cây hàng năm phân theo quy mô đất cây hàng năm	Quy mô đất cây hàng năm; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.24. Cơ cấu trang trại cây hàng năm phân theo quy mô đất cây hàng năm	Quy mô đất cây hàng năm; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.25. Số lượng trang trại cây lâu năm phân theo quy mô đất cây lâu năm	Quy mô đất cây lâu năm; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
2.26. Cơ cấu trang trại cây lâu năm phân theo quy mô đất cây lâu năm	Quy mô đất cây lâu năm; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.27. Số lượng trang trại lâm nghiệp phân theo quy mô đất lâm nghiệp	Quy mô đất lâm nghiệp; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.28. Số lượng trang trại nuôi trồng thủy sản phân theo quy mô nuôi	Quy mô nuôi; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.29. Số lượng trang trại chăn nuôi trâu, bò theo quy mô đầu con	Quy mô đầu con; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.30. Cơ cấu trang trại chăn nuôi trâu, bò theo quy mô đầu con	Quy mô đầu con; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.31. Số lượng trang trại chăn nuôi bò sữa, bò theo quy mô đầu con	Quy mô đầu con; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.32. Số lượng trang trại chăn nuôi lợn, bò theo quy mô đầu con	Quy mô đầu con; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.33. Số lượng trang trại chăn nuôi gia cầm, bò theo quy mô đầu con	Quy mô đầu con; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.34. Số lượng các loại máy móc, thiết bị chủ yếu của trang trại	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.35. Số lượng các loại máy móc, thiết bị chủ yếu bình quân 100 trang trại	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.36. Số lượng trang trại phân theo quy mô thu nhập	Quy mô thu nhập; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
2.37. Trang trại phân theo quy mô giá trị sản phẩm hàng hóa và dịch vụ bán ra	Quy mô giá trị sản phẩm hàng hóa và dịch vụ bán ra; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
III. TÌNH HÌNH CƠ BẢN VÀ KẾT CẤU HẠ TẦNG NÔNG THÔN		
3.1. Tình hình cơ bản của xã	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
3.2. Điện khí hóa và sử dụng nước máy trên địa bàn nông thôn	Điện khí hóa; nước máy; vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
3.3. Tình hình thủy lợi hóa	Thủy lợi; vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
3.4. Tình hình cơ giới hóa làm đất	Cơ giới hóa làm đất; vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
3.5. Giao thông nông thôn	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
3.6. Bưu điện, điện thoại trên địa bàn nông thôn	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
3.7. Nhà văn hóa, thư viện, truyền thanh	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
3.8. Chợ, nhà trẻ, mẫu giáo	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
3.9. Trường học phổ thông	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
3.10. Kiên cố hóa trường tiểu học	Tình trạng xây dựng; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
3.11. Kiên cố hóa trường THCS	Tình trạng xây dựng; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
3.12. Kiên cố hóa trường THPT	Tình trạng xây dựng; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
3.13. Trạm y tế, bác sỹ	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
3.14. Cơ sở chế biến, kênh mương thủy lợi	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
3.15. Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
3.16. Tình hình làng nghề	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
IV. SỐ LƯỢNG, LOẠI HÌNH DỊCH VỤ, LAO ĐỘNG, MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHỦ YẾU CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP		
4.1. Tổng số HTXNN phân theo loại hình dịch vụ	Loại hình dịch vụ; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
4.2. Tổng số HTXNN mới thành lập phân theo loại hình dịch vụ	Loại hình dịch vụ; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
4.3. Tổng số HTXNN chuyển đổi phân theo loại hình dịch vụ	Loại hình dịch vụ; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
4.4. Lao động của HTXNN	Loại lao động; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
4.5. Lao động bình quân của HTXNN	Loại lao động; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
4.6. Chủ nhiệm HTXNN phân theo giới tính, trình độ văn hóa chuyên môn	Giới tính; trình độ văn hóa chuyên môn; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
4.7. Trưởng ban kiểm soát HTXNN phân theo giới tính, trình độ văn hóa chuyên môn	Giới tính; trình độ văn hóa chuyên môn; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
4.8. Kế toán trưởng HTXNN phân theo giới tính, trình độ văn hóa chuyên môn	Giới tính; trình độ văn hóa chuyên môn; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
4.9. Các loại máy móc thiết bị chủ yếu của HTXNN	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
4.10. Các loại máy móc thiết bị chủ yếu bình quân 1 HTXNN	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
V. SỐ LƯỢNG, LOẠI HÌNH LAO ĐỘNG, ĐẤT ĐAI, MÁY MÓC THIẾT BỊ CHỦ YẾU CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN		
5.1. Số lượng doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, thủy sản phân theo loại hoạt động	Loại hoạt động; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.2. Doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, thủy sản phân theo loại hình hoạt động	Loại hình hoạt động; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.3. Lao động của doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, thủy sản	Ngành nghề kinh tế; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.4. Diện tích đất quy hoạch của doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, thủy sản	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.5. Diện tích đất thực tế sử dụng của doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, thủy sản	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.6. Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản của doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, thủy sản	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.7. Các loại máy móc thiết bị chủ yếu của doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.8. Lao động của doanh nghiệp nhà nước nông, lâm nghiệp và thủy sản	Ngành nghề kinh tế; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
5.9. Diện tích đất quy hoạch của doanh nghiệp nhà nước, nông lâm nghiệp và thủy sản	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.10. Diện tích đất thực tế sử dụng của doanh nghiệp nhà nước, nông lâm nghiệp và thủy sản	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.11. Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản tế sử dụng của doanh nghiệp nhà nước, nông lâm nghiệp và thủy sản	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.12. Các loại máy thiết bị chủ yếu của doanh nghiệp nhà nước, nông lâm nghiệp và thủy sản	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.13. Lao động của nông trường	Ngành nghề kinh tế; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.14. Diện tích đất quy hoạch của nông trường	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.15. Diện tích đất thực tế sử dụng của nông trường	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.16. Các loại máy thiết bị chủ yếu của nông trường	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.17. Lao động của lâm trường	Ngành nghề kinh tế; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.18. Diện tích đất quy hoạch của lâm trường	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.19. Diện tích đất thực tế sử dụng của lâm trường	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.20. Các loại máy thiết bị chủ yếu của lâm trường	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.21. Lao động của doanh nghiệp thủy sản	Ngành nghề kinh tế; Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.22. Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản của doanh nghiệp thủy sản	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
5.23. Các loại tàu, thuyền, cơ giới của DNTS	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
VI. CƠ CẤU KINH TẾ, VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, TÍCH LŨY VÀ ĐỒ DÙNG LÂU BỀN CỦA CÁC HỘ NÔNG THÔN ĐƯỢC CHỌN ĐIỀU TRA MẪU		
6.1. Hộ, nhân khẩu, lao động của hộ chia theo loại hộ	Loại hộ; ngành chính của hộ; dân tộc của chủ hộ; vùng kinh tế	2001

Tên chỉ tiêu		Phân tổ	Độ dài thời gian
6.2.	Hộ, nhân khẩu, lao động của hộ chia theo địa phương	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
6.3.	Môi trường sống của hộ chia theo dân tộc	Dân tộc; Vùng kinh tế	2001
6.4.	Môi trường sống của hộ chia địa phương	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
6.5.	Mức trang bị đồ dùng lâu bền của hộ	Vùng kinh tế	2001
6.6.	Cơ cấu tổng thu của hộ chia theo loại hộ	Ngành chính của hộ; dân tộc của chủ hộ; Loại hộ; Vùng kinh tế	2001
6.7.	Cơ cấu tổng thu của hộ chia theo địa phương	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
6.8.	Cơ cấu tổng thu từ sản xuất kinh doanh của hộ chia theo loại hộ	Ngành chính của hộ; dân tộc của chủ hộ; Loại hộ; Vùng kinh tế	2001
6.9.	Cơ cấu tổng thu từ sản xuất kinh doanh của hộ chia theo địa phương	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
6.10.	Cơ cấu tổng thu nông, lâm, nghiệp thủy sản của hộ chia theo loại hộ	Ngành chính của hộ; dân tộc của chủ hộ; Loại hộ; Vùng kinh tế	2001
6.11.	Cơ cấu tổng thu nông, lâm, nghiệp thủy sản của hộ chia theo địa phương	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
6.12.	Cơ cấu tổng thu trong ngành nông nghiệp của hộ chia theo loại hộ	Ngành chính của hộ; dân tộc của chủ hộ; Loại hộ; Vùng kinh tế	2001
6.13.	Cơ cấu tổng thu trong ngành nông nghiệp của hộ chia theo địa phương	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
6.14.	Cơ cấu thu trong ngành trồng trọt của hộ chia theo loại hộ	Ngành chính của hộ; dân tộc của chủ hộ; Loại hộ; Vùng kinh tế	2001
6.15.	Cơ cấu thu trong ngành trồng trọt của hộ chia theo địa phương	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
6.16.	Cơ cấu tổng thu trong ngành chăn nuôi của hộ chia theo loại hộ	Ngành chính của hộ; dân tộc của chủ hộ; Loại hộ; Vùng	2001

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	kinh tế	
6.17. Cơ cấu tổng thu trong ngành chăn nuôi của hộ chia theo địa phương	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
6.18. Cơ cấu tổng thu trong ngành nông lâm nghiệp của hộ chia theo loại hộ	Ngành chính của hộ; dân tộc của chủ hộ; Loại hộ; Vùng kinh tế	2001
6.19. Cơ cấu tổng thu trong ngành nông lâm nghiệp của hộ chia theo địa phương	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
6.20. Cơ cấu tổng thu trong ngành thủy sản của hộ chia theo loại hộ	Ngành chính của hộ; dân tộc của chủ hộ; Loại hộ; Vùng kinh tế	2001
6.21. Cơ cấu tổng thu trong ngành thủy sản của hộ chia theo địa phương	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
6.22. Giá trị hàng hóa và cơ cấu hàng hóa nông, lâm, nghiệp và thủy sản bán ra của hộ	Vùng kinh tế	2001
6.23. Vốn đầu tư phát triển, tích lũy của hộ	Tổng số vốn đầu tư phát triển; vốn đầu tư phát triển bình quân hộ; giá trị đồ dùng lâu bền bình quân hộ; tích lũy của hộ; trị giá tích lũy bình quân hộ; vùng kinh tế	2001
6.24. Vốn đầu tư phát triển của hộ chia theo địa phương	Vùng kinh tế; Tỉnh/ thành phố	2001
6.25. Khả năng phát triển SXKD của hộ chia theo dân tộc	Dân tộc; vùng kinh tế	2001